**➁ BẢNG TẦN SỐ CÁC GIÁ TRỊ CỦA DẤU HIỆU**

**I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT**

Từ bảng thống kê ban đầu có thể lập bảng “tần số” (bảng phân phối thực nghiệm của dấu hiệu) .

Bảng “tần số” thường được lập như sau:

+ Vẽ khung hình chữ nhật gồm hai dòng.

+ Dòng trên ghi các giá trị khác nhau của dấu hiệu theo thứ tự tăng dần.

+ Dòng dưới ghi các tần số tương ứng với mỗi giá trị đó.

Bảng “tần số” giúp người điều tra dễ có những nhận xét chung về sự phân phối các giá trị của dấu hiệu và tiện lợi cho việc tính toán sau này.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1:**  Kết quả môn nhảy cao (tính theo cm) của học sinh lớp  được giáo viên thể dục ghi lại như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

a) Dấu hiệu quan tâm là gì ?

b) Có bao nhiêu học sinh tham gia kiểm tra?

c) Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bài 2**: Số con trong mỗi hộ gia đình ở một khu vực được ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

a) Dấu hiệu quan tâm là gì ?

b) Có bao nhiêu hộ gia đình được điều tra?

c) Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bài 3**: Số lỗi chính tả trong một bài tập làm văn của mỗi học sinh ở lớp  được giáo viên ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

a) Dấu hiệu quan tâm là gì ?

b) Có bao nhiêu học sinh làm bài?

c) Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bài 4**: Cho bảng “tần số”:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị (x)  | 125 | 130 | 132 | 140 | 141 |  |
| Tần số (n)  | 3 | 8 | 10 | 7 | 2 | N = 30 |

Từ bảng này, hãy viết lại một bảng số liệu thống kê ban đầu.

**Bài 5:** Điền vào chỗ trống (…) trong bảng “tần số” sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị (x) | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |  |
| Tần số (n) | 1 | 2 | …. | 9 | 10 | 4 | 6 |  |

**Bài 6:** Số lần nhảy dây trong 1 phút của một số học sinh được ghi lại trong bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 54 | 70 | 58 | 65 | 54 | 81 | 70 | 84 | 84 | 58 |
| 81 | 58 | 84 | 70 | 85 | 82 | 84 | 85 | 70 | 84 |
| 65 | 54 | 85 | 58 | 84 | 88 | 58 | 84 | 70 | 65 |
| 84 | 70 | 58 | 84 | 54 | 81 | 65 | 70 | 81 | 85 |

a) Lập bảng tần số dạng “ngang” và dạng “dọc)

b) Rút ra nhận xét

**HDG:**

**Bài 1**: a) Dấu hiệu quan tâm là kết quả môn nhảy cao (tính theo cm) của mỗi học sinh lớp .

1. Có học sinh tham gia kiểm tra.
2. Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Các giá trị của dấu hiệu là  nhưng chỉ có giá trị khác nhau.

- Nhảy thấp nhất là , cao nhất là  và tập trung nhiều ở .

**Bài 2**: a) Dấu hiệu quan tâm là số con trong mỗi hộ gia đình ở một khu vực.

b) Có  hộ gia đình được điều tra.

c) Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |

* Các giá trị của dấu hiệu là  nhưng chỉ có giá trị khác nhau.
* Số con thấp nhất là con, cao nhất là con cho mỗi hộ và số con chủ yếu mỗi hộ là từ con đến con.

**Bài 3:** a)Dấu hiệu quan tâm là số lỗi chính tả trong một bài tập làm văn của mỗi học sinh ở lớp

1. Có học sinh tham gia kiểm tra.
2. Lập bảng “tần số” và rút ra nhận xét.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tần số  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 - Các giá trị của dấu hiệu là  nhưng chỉ có giá trị khác nhau.

 - Học sinh có lỗi thấp nhất là  lỗi, cao nhất là  lỗi và tập trung nhiều ở lỗi.

**Bài 4:** Bảng số liệu thống kê ban đầu có thể là:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 125 | 130 | 132 | 132 | 130 | 132 | 141 | 140 | 130 | 132 |
| 130 | 132 | 140 | 125 | 132 | 130 | 130 | 125 | 132 | 140 |
| 132 | 140 | 130 | 132 | 140 | 140 | 132 | 141 | 140 | 130 |

**Bài 5:** Ta có  . Số cần điền là số 8.

Bài 6: Tự luyện.